

TUẦN 11- 12:

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

Nguyễn Tuân

I. TÌM HIỂU CHUNG:

1) Tác giả: 1910 – 1987

- Sinh ra trong một gia đình nhà nho khi Hán học đã tàn.
- Quê: Hà Nội.
- Học đến cuối bậc thành chung, ông bắt đầu viết văn, làm báo.
- CM T8 thành công, ông đến với CM, tự nguyện dùng ngòi bút phục vụ hai cuộc kháng chiến của dân tộc.
- Từ 1948 đến 1958 là tổng thư kí Hội Văn nghệ Việt Nam.
- Có nhiều đóng góp đối với văn học VN hiện đại ở thể tùy bút, bút kí; làm phong phú thêm ngôn ngữ văn học dân tộc;
- Phong cách tài hoa và độc đáo.
- Năm 1996 Được tặng Giải thưởng HCM về văn học nghệ thuật.
- Tp tiêu biểu: Một chuyến đi, Vang bóng một thời, Thiêu quê hương.

2) Tác phẩm:

a. Tập truyện “Vang bóng một thời”(1940)

- Gồm 11 truyện
- Nhân vật chính: những nho sĩ cuối mùa.
- Nội dung: kể về những phong tục đẹp, thú chơi tao nhã của các nhà nho.
- Chủ đề: bày tỏ thái độ bất hòa sâu sắc trước thực tại, lòng yêu nước và tinh thần dân tộc .

b. Tác phẩm:

- “*Chữ người tử tù*” lúc đầu có tên là “*Dòng chữ cuối cùng*”, đăng báo năm 1938, sau in trong tập truyện *Vang bóng một thời* và đổi tên thành *Chữ người tử tù*.

II. ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN:

1. Tình huống truyện

- Cuộc gặp gỡ giữa Huân Cao và viên quản ngục trong tình thế đối nghịch, éo le:
 - + Trên bình diện xã hội: họ là kẻ thù không đội trời chung.
 - + Trên bình diện nghệ thuật: Họ là tri âm tri kỉ
- Kịch tính lên đến đỉnh điểm khi viên quản ngục nhận lệnh chuyển các tử tù ra pháp trường.

2. Nhân vật Huân Cao

a. Nghệ sĩ tài hoa:

- Vùng tỉnh Sơn khen tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp.
 - Chữ ông Huân Cao đẹp lắm, vuông lắm.
 - Có được chữ ông Huân mà treo là có một vật báu trên đời.
 - Nét chữ vuông tươi tắn nó nói lên những cái hoài bão tung hoành của một đời con người.
- => Huân Cao được miêu tả thông qua lời kể, cái tài của Huân Cao đến trước con người, danh tính được lưu truyền trong dân gian, Huân Cao như là huyền thoại hiếm có, là đỉnh cao của nghệ thuật thư pháp.

- => Ca ngợi tài của Huấn Cao, nhà văn thể hiện quan niệm và tư tưởng nghệ thuật của mình:
- + Kính trọng, ngưỡng mộ người tài,
 - + Trân trọng nghệ thuật thư pháp cổ truyền của dân tộc.

b. Huấn Cao có khí phách hiên ngang bất khuất:

Là tử tù nhưng từng là thủ lĩnh của phong trào khởi nghĩa chống lại triều đình không sợ cường quyền, không sợ cái chết.

- Hành động: “lạnh lùng chúc mũi gông ... thuyênh một cái”.
- Thái độ:
 - + “Đến cái cảnh chết chém ông còn chẳng sợ nữa là những trò tiểu nhân thị oai này”
 - + Thản nhiên nhận biệt đãi rượu thịt.
- Lời nói: khinh miệt đến điều khi trả lời VQN
 - “Người hỏi ta muốn gì ...người đừng đặt chân vào đây”.

=> Nhà tù chỉ cầm tù thể xác chứ không cầm tù được ý chí, khí phách của một người anh hùng toát ra từ lời nói, thần thái, hành động, thể hiện hoài bão tung hoành. HC như người anh hùng chọc trời khuấy nước tung hoành ngang dọc.

c. Một nhân cách, một thiên lương trong sáng: chính trực, trọng nghĩa, quan niệm cái đẹp phải gắn liền với cái thiện

- Tâm hồn trong sáng, cao đẹp:
 - + “Không vì vàng ngọc hay quyền thế mà ép mình viết câu đối bao giờ”
 - + Vì “cảm cái tấm lòng biệt nhơn liên tài” của VQN => cho chữ.
 - + “Thiếu chút nữa, ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ”.

=> Trọng nghĩa, khinh lợi, chỉ cho chữ những người tri kỉ, người có sở thích thanh cao, có nhân cách cao đẹp.

- Khuyên quản ngục:
 - + Chữ không treo ở nơi tối tăm bẩn thỉu
 - + Cái đẹp không thể tồn tại bên cái xấu xa.
- => Huấn Cao là một anh hùng - nghệ sĩ, một thiên lương trong sáng.

- Quan điểm của Nguyễn Tuân: Cái tài phải đi đôi với cái tâm, cái đẹp và cái thiện không thể tách rời nhau. Nhân vật Huấn Cao là nhân vật lý tưởng có sự kết hợp hài hòa giữa tâm - tài, đẹp - thiện: vừa là nho sĩ tài hoa có thiên lương trong sáng vừa có khí phách hiên ngang.

=> Quan niệm thẩm mỹ tiến bộ.

2. Viên quản ngục

- Hoàn cảnh sống và công việc:
 - + Sống nơi tàn nhẫn, lừa lọc, ăn đời ở kiếp với lũ quay quắt,...
 - + Làm quan coi ngục, đại diện cho pháp luật triều đình.
- => Sống nơi dễ tha hóa.

- Con người:

- + Được Nguyễn Tuân ví như âm thanh trong trẻo, lòng biết giá người, trọng người ngay, người tài, say mê cái đẹp “Cái sở nguyện của viên quan coi ngục là ... ông Huân Cao viết”.
- + Biệt nhỡn liên tài: dọn buồng giam, đối đãi rất hậu với Huân Cao và các bạn tù của ông, bị Huân Cao sỉ nhục, xua đuổi => “xin lĩnh ý”
- Nghe lời Huân Cao về quê “xin bái lĩnh”.

=> Nghệ thuật muốn sáng tạo và lưu giữ cần có tri âm tri kỉ biết lưu giữ, bảo vệ, trân trọng, nâng niu. => Dù trong hoàn cảnh nào thì trong sâu thẳm trong mỗi con người đều hướng đến cái đẹp cái cao cả.

2. Cảnh cho chữ: là cảnh tượng xưa nay chưa từng có.

*Nghệ thuật tương phản giữa ánh sáng và bóng tối:

“Ánh sáng đỏ rực” (lý tưởng, hướng thiện)

- Vuông lụa trắng, thoi mực thơm (nghệ thuật cao đẹp)

=> Ánh sáng thắng thế bóng tối

=> Cái đẹp cái thiện luôn thắng thế cái ác, cái xấu, cái tầm thường nhỏ bé.

-Huân Cao-Tử tù cổ đeo gông, chân vướng xiềng đang uy nghi đậm tô từng nét chữ trên tấm lụa trắng.

Bóng tối buồng giam-khuya (mảnh đất chết, cái xấu xa, tàn bạo)

- Không gian: tối, chật hẹp, ẩm ướt, tường đầy mạng nhện, đất bừa bãi phân chuột, phân gián. Không khí khó chịu tỏa như đám cháy nhà (không gian cái xấu cái ác tồn tại)

- VQN: khúm núm, run run, vái, nghẹn ngào, đón nhận từng nét chữ 1 cách trân trọng, xin bái lĩnh.

=> Qua cảnh cho chữ, Nguyễn Tuân cho người đọc thấy được: Cái đẹp xóa nhòa mọi ranh giới, cái đẹp có sức mạnh cảm hóa con người, giúp con người hướng thiện. Cái đẹp có thể sản sinh ra nơi đất chết, nơi cái ác ngự trị, cái đẹp trường tồn với thời gian. Con người nên nuôi dưỡng tâm hồn để cuộc sống có ý nghĩa lớn lao.

III. TỔNG KẾT

1. ND, tư tưởng

- Hình tượng nhân vật Huân Cao – con người lý tưởng

- Quan điểm nghệ thuật, quan điểm thẩm mỹ:

+ Cái đẹp gắn liền với cái thiện.

+ Cái đẹp có sức mạnh cảm hóa.

- Lòng yêu nước thầm kín nhưng thiết tha.

- Hình tượng nhân vật Huân Cao – con người lý tưởng

- Quan điểm nghệ thuật, quan điểm thẩm mỹ:

+ Cái đẹp gắn liền với cái thiện.

+ Cái đẹp có sức mạnh cảm hóa.

- Lòng yêu nước thầm kín nhưng thiết tha.

2. Thành công nghệ thuật

- Hướng tới cái khác thường, phi thường, lí tưởng.

+ Đẹp - tuyệt mỹ.

- + Tài - phi phàm.
 - Tiếp cận, phản ánh đối tượng từ phương diện văn hóa, mỹ thuật.
- Tình huống truyện độc đáo, đầy kịch tính.
- Lời văn sắc sảo, uyên bác.
- Nghệ thuật đối lập, tương phản □ giàu kịch tính.
 - Bút pháp xây dựng nhân vật:
 - + Miêu tả nhân vật trong những khoảnh khắc đặc biệt, rất ấn tượng.
 - + Nhân vật giàu tính cách: rất ngang tàng, tài năng nhưng có tâm hồn trong sáng.
- => Biểu tượng về cái đẹp, những con người hoàn mỹ.
- Bút pháp miêu tả cảnh vật:
 - + Tạo không khí thiêng liêng, cổ kính (Cảnh cho chữ)
 - + Bút pháp đối lập, ngôn ngữ điêu luyện
- => Cảnh tượng hiện lên với đầy đủ vẻ đẹp trang trọng uy nghi, rực rỡ.

LUYỆN TẬP THAO TC LẬP LUẬN SO SÁNH

II. Luyện tập

1. Bài tập 1:

Cả hai bài thơ đều thể hiện tình cảm của tác giả khi về thăm quê hương.

1. Sự giống nhau giữa hai bài thơ.

a. Cả hai đều rời xa quê hương khi còn trẻ, lúc trở về tuổi đã cao.

+ Khi đi trẻ, lúc về già (Hạ Tri Chương)

+ “Trở lại An Nhơn tuổi lớn rồi” (Chế Lan Viên)

(Phân tích các câu thơ để chỉ ra cảm nhận giống nhau của người xa quê. Đó là sự cảm nhận về thời gian và tuổi tác. Thời gian trôi đi không bao giờ trở lại. Nó kéo theo bao sự thay đổi. Sự vật biến đổi. Con người già nua. Cả hai đều bắt nguồn cảm nhận của mình từ quy luật ấy. Giọng thơ cũng giống nhau, có nỗi buồn man mác trước cảnh cũ người xưa. Hẳn là cả hai đều ngỡ ngàng. Có cái gì gợi nhớ đến băng khuâng).

b. Cả hai đều cảm nhận thấy mình xa lạ ngay trên quê hương.

(Phân tích các câu thơ trên đây để làm nổi bật một cảm giác của người cảm thấy mình xa lạ. Người lớn có thể người nhớ, người quên mình. Trẻ con thì nhìn coi như khách. Hạ Tri Chương không thể trách được ai, chỉ biết ngậm ngùi bởi lẽ mình cũng không nhận ra ai. Chế Lan Viên cũng trong tâm trạng ấy. Quê hương đã biến đổi rất nhiều, bạn ngày nhỏ không còn ai, một nỗi ngậm ngùi thương nhớ. Những năm tháng chiến tranh, ai còn, ai mất, giờ sống ở đâu, nỗi lòng thổn thức. Nền nhà xưa, nay là nơi làm việc của “Cơ quan mới”. Buồn, thương, nhớ và ngỡ ngàng).

2. Rút ra kết luận

Hai nhà thơ, hai con người ở hai thời đại khác nhau. Có biết bao điều khác nhau ở họ. Nhưng cảm xúc về nỗi lòng của người xa xứ ngày trở về quê hương của mình đều có những nét giống nhau. Bởi lẽ, bản chất của nhân loại, của từng người là thế.

2. Bài tập 2:

“Học cũng có ích như trồng cây, mùa xuân được hoa, mùa thu được quả” Đây là cách so sánh tương đồng. So sánh việc học với trồng cây. Từ mùa xuân đến mùa thu là thời gian luân chuyển. Vậy ta có các ý:

1. Học và trồng cây đều có ích như nhau

+ Học mang lại tri thức của nhân loại đã tổng kết cho bản thân để thực hành vào đời sống.

+ Trồng cây cho hoa, cho quả, cho môi trường trong sạch, điều hoà khí hậu và thời tiết.

2. Học và trồng cây đều cần có thời gian.

+ Học cần có thời gian để tiếp thu kiến thức dần dần, từ đơn giản đến phức tạp, từ dễ đến khó. Người học sẽ tiến bộ.

+ Trồng cây cũng phải có thời gian. Đừng nôn nóng, dần dần cho thu hoạch từ ít đến nhiều.

3. Rút ra kết luận:

- Cách so sánh giữa học với trồng cây để thấy làm bất cứ một việc gì cũng cần có yếu tố thời gian. Đây không phải là thời gian chờ đợi mà là thời gian làm việc kiên nhẫn. Đặc biệt với việc học tập, ta phải rèn luyện tính kiên trì, say mê, chịu khó; không say mê chịu khó trong học tập thì không thể mơ tưởng tới bất cứ một kết quả nào. Ý nghĩa của việc so sánh là ở chỗ đó.

3. Bài tập 3:

Bài này chỉ so sánh trên tiêu chí ngôn ngữ của hai bài thơ, của hai nữ tác giả. Các mạch ý cần triển khai trong bài viết:

1. *Sự giống nhau của hai bài thơ trên lĩnh vực thể loại, ngôn ngữ.*

+ Đều là thơ luật Đường (Thất ngôn bát cú). Đã là thơ luật Đường thì phải tuân thủ về gieo vần, luật bằng trắc, đối trong thơ.

2. *Sự khác biệt trên lĩnh vực ngôn ngữ.*

a. Trên lĩnh vực văn tự

+ Bà Huyện Thanh Quan dùng nhiều chữ Hán Việt (Hoàng hôn, ngư ông, viễn phố, mục từ, cô thôn, Chương Đài, lữ thứ, hàn ôn).

+ Hồ Xuân Hương phần lớn dùng chữ Nôm (tiếng gà, vắng vắng, gáy, trên bong, chuông sâu, thêm rền rĩ, khắp mọi chòm, có sao om, duyên, mồm mồm, già tom...) trừ một câu gần hết từ Hán Việt “Tài tử, văn nhân, tá”.

b. Về thi liệu:

+ Bà Huyện Thanh Quan dùng nhiều thi liệu của văn chương cổ điển (Chương Đài, ngàn

mai, dăm liêu, khách, người lữ thứ).

+ Hồ Xuân Hương hầu như ít dùng thi liệu văn chương cổ điển.

Từ sự khác nhau về ngôn ngữ dẫn đến sự khác nhau về phong cách.

c. Khác nhau về phong cách.

+ Thơ Bà Huyện Thanh Quan là cảm xúc và tiếng nói của những văn nhân tri thức thuộc tầng lớp quý tộc.

+ Thơ Hồ Xuân Hương là cảm xúc và tiếng nói mang phong cách nhân dân. Cụ thể là người phụ nữ mà duyên phận lỡ làng nhưng vẫn tràn đầy khát vọng và thách thức.

3. Rút ra kết luận:

- So sánh để thấy được sự khác biệt giữa hai bài thơ hay trên lĩnh vực ngôn ngữ.

- Ngôn ngữ là yếu tố thứ nhất của văn học nói chung và thơ ca nói riêng.

- Mọi sự sáng tạo của nhà thơ đều bắt nguồn từ ngôn ngữ.

HẠNH PHÚC CỦA MỘT TANG GIA

- TRÍCH SỐ ĐỎ - VŨ TRỌNG PHỤNG

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả:

Vũ Trọng Phụng (1912 - 1939)

Quê: Hưng Yên

Sinh ra ở Hà Nội

Gia đình: gia đình nghèo.

Sau khi tốt nghiệp tiểu học, Vũ Trọng Phụng đi làm kiến sống, nhưng chẳng được bao lâu thì mất việc.

Ông sống chật vật, bấp bênh bằng nghề viết báo, viết văn chuyên nghiệp.

Ông mất sớm vì bị bệnh lao.

Năm 1930: Vũ Trọng Phụng bắt đầu có truyện đăng báo.

Bút danh: Thiên Hư

Là cây bút có sức sáng tạo dồi dào;

=> Nhà văn lớn trong dòng văn học hiện thực phê phán trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.

* Sự nghiệp:

Ông đã để lại khối lượng tác phẩm văn chương đồ sộ:

Phóng sự: Cạm bẫy người (1933), Kỹ nghệ lấy Tây (1934), Com thầy com cô (1936)

Tiểu thuyết: Giông tố, Số đỏ, Vỡ đê (1936)

=> Toàn bộ sáng tác của Vũ Trọng Phụng đều toát lên niềm căm phẫn mãnh liệt vào xã hội thực dân phong kiến, tha hóa và giai cấp tư sản tàn bạo thời nát đương thời.

2. Tác phẩm “Số đỏ”

a. Hoàn cảnh, xuất xứ

- Tiểu thuyết “Số đỏ” được đăng trên Hà Nội báo từ số 40 ngày 07/10/1936, in thành sách lần đầu năm 1938.

b. Giá trị

- Giá trị nội dung:

Tác phẩm đã kích một cách sâu cay xã hội tư sản thành thị đang chạy theo lối sống văn minh rơm, hết sức lố lăng, đồi bại đương thời.

- Giá trị nghệ thuật:

+ Trình độ tiểu thuyết già dặn, bút pháp châm biếm đặc biệt sắc sảo:

Nghệ thuật cường điệu; sử dụng lối nói ngược, nói móc.

Xây dựng nhiều tình tiết, chi tiết đối lập nhau gay gắt.

Xây dựng các nhân vật điển hình mang tính hí họa...

3. Đoạn trích “Hạnh phúc của một tang gia”

a. Vị trí, xuất xứ: Chương XV của tiểu thuyết “Số đỏ”.

b. Bố cục

- Từ đầu đến “cho Tuyết vậy” -> Niềm vui của những thành viên trong gia đình và mọi người khi cụ cố Tổ qua đời.

- Còn lại -> Đám tang gương mẫu.

c. Ý nghĩa nhan đề

- Hạnh phúc: niềm vui sướng của con người khi đạt được ước nguyện trong cuộc sống.

- Tang gia: nhà có tang, người thân ra đi mãi mãi nên không khí đau buồn khôn xiết.

=> Tang gia mà lại hạnh phúc => điều oái oăm, trái khoáy, ngược đời. Nhan đề đoạn trích đã dự báo một màn bi hài kịch sắp diễn ra với nhiều cảnh nghịch lí, cười ra nước mắt.

=> Nhan đề tác phẩm thể hiện rõ tình huống trào phúng mà Vũ Trọng Phụng dàn dựng trong đoạn trích này.

=> Hạnh phúc của một gia đình vô phúc, niềm vui của lũ con cháu đại bất hiếu.

*Nguyên cớ của tấn bi hài kịch

- Cụ cố tổ, cha cụ cố Hồng, người đứng đầu cái gia đình “Văn minh”, “Âu hoá”:

+ Già hơn 80 tuổi, có một gia tài giàu có.

+ Viết chúc thư để lại chỉ được chia tài sản khi cụ đã qua đời.

=> Đám con cháu ai cũng mong cụ chết.

- Ý nghĩa cái chết thật của cụ cố Hồng:

+ Lần trước cụ đã làm cho đám con cháu hụt hẫng, thất vọng khi chúng toan hoá kiếp cụ bằng thứ “thuốc thánh” được trộn lẫn giữa chai nước ruợng và mấy cọng thài lài mà cụ lại không chịu chết.

+ Lần này, cụ chết thật -> “cái chúc thư kia không còn là thứ lí thuyết viễn vông nữa” -> Đám con cháu của cụ cố sắp được chia nhau cái gia tài kếch xù mà cụ để lại.

=> Cái chết của cụ đã đem đến niềm vui khôn xiết cho đám con cháu đang chờ chực để tổ chức đám ma.

2. Niềm vui của các thành viên trong gia đình

a. Niềm hạnh phúc chung

- “Cái chết kia đã làm cho nhiều người sung sướng lắm”.

- Sau bao lần hụt hẫng, chờ đợi niềm hạnh phúc, phấn khởi bùng lên mạnh mẽ “ai ai cũng sung sướng thoả thích”. Họ:

+ Tung bùng, vui vẻ đi đưa giấy cáo phó.

+ Náo nức gọi phường kèn.

+ Tíu tít thuê xe đám ma, ai ai cũng vui mừng phấn chấn.

=> Tạo cho đám tang một không khí tung bùng như chuẩn bị vào một ngày hội lớn.

b. Niềm vui riêng của mỗi thành viên trong đại gia đình bất hiếu:

*** Cụ cố Hồng - người con giai trưởng “chí hiếu”**

+ Sung sướng đến ngất ngây, nằm hút thuốc phiện với hơn 1782 câu nói quen thuộc: “Biết rồi... mãi”

+ Nhắm nghiền mắt lại mơ màng nghĩ lúc được mặc đồ xô gai, lụ khụ chống gậy, vừa ho khạc, vừa khóc mếu.

=> Điển hình cho loại người ngu dốt, háo danh trong xã hội.

*** Ông Văn Minh:**

- Phân vân, băn khoăn, vò đầu rút tóc, lúc nào mặt cũng đăm đăm chiêu chiêu,...

- Đang nghĩ cách mời luật sư đến chứng

kiến nhanh nhất cái chết của cụ cố tổ để cái chúc thư kia sớm đi vào thời kì thực hành; bản khoán khi chưa biết xử lí thế nào với hai cái tội nhỏ, một cái ơn to của Xuân Tóc Đỏ.

=> Giả dối, hám tiền, vô đạo đức.

* Bà Văn Minh:

- “Sốt cả ruột vì mãi không được mặc những đồ xô gai tân thời, cái mũ mấn, trắng viền đen”...

- Được dịp lăng xê những mốt y phục tân thời, táo bạo.

=> Cơ hội, vô đạo đức...

* Cô Tuyết:

- Đau khổ đến muốn tự tử được nhưng không phải vì cái chết của ông nội mà là vì chưa thấy Xuân, bạn giai của mình đâu cả.

- “Mặc bộ y phục Ngây thơ... trông như hờ cả nách và nửa vú...để chứng minh “mình chưa đánh mất chữ trinh”.

=> Hư hỏng, lăng lợ, lố lỉnh...

* Cậu Tú Tân:

- “Sướng điên người lên vì cậu đã sẵn sàng mấy cái máy ảnh mà mãi cậu không được dùng đến”.

=> Chỉ lo thú vui cá nhân.

* Ông Phán mọc sừng (con rể):

- Sung sướng vì cái sừng trên đầu mình có giá trị: “không ngờ rằng giá trị đôi sừng... to đến như thế”.

=> Một kẻ vô đạo đức, hám tiền, vô liêm sỉ.

* Cảnh sát Min Đơ và Min Toa:

“Sung sướng cực điểm” và “vô cùng mẫn cán” vì việc được mời đến giữ trật tự cho đám ma đã chấm dứt tình trạng thất nghiệp kinh niên.

→ Tạo một pha hài hước mỉa mai châm biếm, đánh thẳng vào chính quyền thống trị: cảnh sát mà lại thích thú, hạnh phúc khi được thuê đi giữ trật tự cho đám ma.

* Bạn bè cụ cố Hồng:

-Được dịp khoe khoang: “Ngực đầy những huy chương...”, “trên mép và cằm đều đủ râu ria...” ,

- Khi thấy “làn da trắng ... cảm động”...

→ Cái vẻ uy nghi, trịch thượng chỉ là cái vỏ để các cụ che giấu cái bản chất xấu xa, vô liêm sỉ của mình.

* Đám giai thanh, gái lịch đất Hà thành bạn của cô Tuyết, cô Hoàng Hôn:

Nhờ có đám tang mà học được “chim nhau”, “hẹn hò với nhau”, “cười tình với nhau”,...

=> Giả dối, tha hóa về mặt đạo đức.

* Hàng phố:

Vui, nhón nháo vì được xem một đám ma to tát chưa từng có đưa đến đâu làm huyền não đến đấy.

=> Giọng văn mỉa mai, thủ pháp tương phản kết hợp với cường điệu đã được vận dụng hiệu quả tạo nên những chân dung biếm họa, những cái nghịch lí, làm bật lên tiếng cười trào phúng đầy mỉa mai châm biếm về một xã hội thực dân thu nhỏ với những sự đồi bại, xuống dốc của đạo lý và nhân cách con người.

4. Cảnh đám tang gương mẫu:

a. Cảnh đưa đám

- **“Một đám ma theo cả lối Ta, Tàu, Tây”**: có **“kiệu bát cống, lợn quay đi lọng, lốc bốc xoảng”** (lối Tàu), có vòng hoa, kèn bú đích (kiểu Tây) và 300 câu đối (kiểu ta).

- Đi qua 4 con phố. Sáu chiếc xe của Xuân và báo gõ mõ xuất hiện.

=> Khoe khoang danh vọng, tiếng tăm, giàu có. Lố lằng, kệch cỡm.

-Điệp khúc “Đám cứ đi” □ Đây là đám ma đồ sộ, như một đám rước, đưa đến đâu làm huyền não đến đấy.

=> Sự giả tạo, đóng kịch của giới tri thức rởm, đạo đức suy đồi của nền văn minh Âu hóa rởm.

b. Cảnh hạ huyệt

“Cậu tú Tân...chụp ảnh kỉ niệm lúc hạ huyết...bạn hữu...rầm rộ nhảy lên”

...Cụ Hồng ho khạc... khóc to “Hút!...Hút!...Hút!...”

“Ông Phán dúi vào tay nó một cái giấy bạc năm đồng...”

=> Màn kịch siêu hạng.

=> Đám tang diễn ra như một tấn đại hài kịch. Nó nói lên tất cả sự lố lăng vô đạo đức của cái xã hội thượng lưu ngày trước, cái xã hội mà tác giả gọi là “chó đũa, khôn nạn”.

III. Tổng kết

-Nội dung

Lên án gay gắt, đả kích sâu cay những hạng người mang danh là thượng lưu quý phái của xã hội tư sản thành thị ở nước ta trước Cách mạng tháng Tám đang chạy theo lối sống nhố nhăng, đồi bại, chà đạp lên đạo đức truyền thống của dân tộc.

-Nghệ thuật:

Nghệ thuật tạo tình huống cơ bản rồi mở ra những tình huống khác.

Phát hiện những chi tiết đối lập gay gắt cùng tồn tại trong một con người, sự vật, sự việc...

Thủ pháp cường điệu, nói ngược, nói mỉa,... sử dụng linh hoạt.

Miêu tả biến hóa, linh hoạt và sắc sảo đến từng chi tiết, nói trúng nét riêng của từng nhân vật.

MỘT SỐ THỂ LOẠI VĂN HỌC: THƠ, TRUYỆN

I.VỀ THỂ LOẠI VĂN HỌC

- Loại: phương thức tồn tại chung

-Thể: sự hiện thực hóa của loại

- Tác phẩm văn học được phân làm ba loại lớn:

- + Trữ tình: cảm xúc, suy nghĩ, tâm trạng
- + Tự sự: lời kể, miêu tả, nhân vật $\Rightarrow$ bức tranh đời sống
- + Kịch: lời thoại, hành động $\Rightarrow$ những xung đột xã hội.
- Bên cạnh còn có thể loại nghị luận

II. THƠ

1) Khái lược về thơ

- Cốt lõi của thơ là trữ tình
- Thơ là tấm gương của tâm hồn, là tiếng nói của tình cảm, rung động của con tim trước cuộc đời
- Ngôn ngữ thơ cô đọng, hàm súc, giàu hình ảnh và nhạc điệu.
- Phân loại thơ:
 - + Theo nội dung: trữ tình, tự sự, trào phúng.
 - + Theo cách thức tổ chức: thơ cách luật, thơ tự do, thơ văn xuôi.

2) Yêu cầu về đọc thơ

- Tìm hiểu xuất xứ: hoàn cảnh sáng tác, cội nguồn của tứ thơ.
- Cảm nhận ý thơ: khám phá nội dung và hình thức bài thơ.
- Lí giải đánh giá: ý nghĩa tư tưởng, giá trị n/t

***Đọc thơ:**

- Đọc âm vang $\Rightarrow$ tri giác hình tượng ngôn ngữ
- Đọc với hồi ức, liên tưởng, tưởng tượng, $\Rightarrow$ định hình cảm xúc.
- Đọc phân tích $\Rightarrow$ nhận ra tứ thơ ý thơ.

III. TRUYỆN

1) Khái lược về truyện

- Truyện là loại văn tự sự, kể chuyện, trình bày sự việc. mang tính khách quan

- Người kể chuyện: ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba
- Cốt truyện: một chuỗi các tình tiết, sự kiện biến cố được tổ chức sắp xếp một cách nghệ thuật
- Nhân vật: được miêu tả chi tiết, sống động, gắn với hoàn cảnh
- Phạm vi miêu tả: không hạn chế về không gian, thời gian.
- Ngôn ngữ: linh hoạt, gần với ngôn ngữ đời sống
- Các kiểu loại truyện: sgk

2) Yêu cầu về đọc truyện:

- Tìm hiểu bối cảnh xã hội, hoàn cảnh sáng tác $\Rightarrow$ tính lịch sử cụ thể của diễn biến đời sống được miêu tả trong truyện
- Phân tích cốt truyện $\Rightarrow$ quá trình đời sống cụ thể (chú ý tới nghệ thuật tự sự)
- Phân tích nhân vật: theo diễn biến cốt truyện
 - + Ngoại hình, hành động, nội tâm, ngôn ngữ...
 - + Mối quan hệ giữa các nhân vật
 - + Nghệ thuật xây dựng nhân vật
- Xác định giá trị tư tưởng nghệ thuật: nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ

* **Ghi nhớ:**sgk